TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 151/2024/QĐST-DS	*G, ngày 14 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông

2. Bà Trần Ngọc Diệu

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 255/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Lê Châu T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Đường N, khu phố M, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2022.

Bị đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977 và bà Cao Thị Hoàng H, sinh năm 1994. Cùng địa chỉ: Đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là ông Lê Tấn D – Luật sư Văn phòng luật sư Lê Tấn D thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Đường T, phường S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Mộng L1, sinh năm 1972

Địa chỉ thường trú: Đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Đường T, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường 13, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà O, bà L1 là ông Lê Châu T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Đường N, khu phố M, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2022.

- Bà Huỳnh Thị Kim L2, sinh năm 1973
- Bà Nguyễn Huỳnh Nhật P, sinh năm 1995
- Ông Nguyễn Huỳnh Nhật H, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L2, bà P, ông H là bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977 và bà Cao Thị Hoàng H, sinh năm 1994. Cùng địa chỉ: Đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các đương sự thống nhất di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N, cụ Dương Thị M là:

Thửa đất số 102a, tờ bản đồ số 14, diện tích 678,2m^2, có giá trị là 678.200.000đ (Sáu trăm bảy mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Thửa đất số 176a, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.092,3m^2, có giá trị là 613.845.000đ (Sáu trăm mười ba triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Thửa đất số 334a, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.085,9m^2, có giá trị là 3.965.640.000đ (Ba tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Thửa 333b, tờ bản đồ số 14, diện tích 642,7m^2, có giá trị là 1.285.400.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Thửa 333a, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.687,1m^2, có giá trị là 6.152.020.000đ (Sáu tỷ một trăm năm mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng diện tích là 12.186,2m^2, có tổng giá trị là 12.695.105.000 đồng. ½ di sản thừa kế của cụ N, cụ M mỗi người là 6.093,1m^2, giá trị là 6.347.552.500đ (Sáu tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Công nhận di chúc của cụ Nguyễn Văn N lập ngày 07/8/2006 là di chúc hợp pháp, có hiệu lực pháp luật đối với phần di sản của cụ N là phần đất có diện tích 6.093,1m^2, có giá trị 6.347.552.500đ (Sáu tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu năm

trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng). Ông T được nhận thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ N.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế của cụ Dương Thị M là phần đất có diện tích 6.093,1m^2, có giá trị 6.347.552.500đ (Sáu tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) thành 05 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế. Mỗi kỷ phần thừa kế có diện tích là 1.218,62m^2, có giá trị là 1.269.510.500đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm mười nghìn năm trăm đồng). Ông T được nhận 02 kỷ phần và bà L, bà O, bà L1 mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế của cụ M. Ông T nhận đất và hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà L, bà O, bà L1.

- Cụ thể như sau:

+ Chia cho ông Nguyễn Viết T được nhận thừa kế các phần đất có diện tích 642,7m^2 (CLN) thuộc thửa số 333b; diện tích 4.687,1m^2 (300m^2 đất ONT và 4.387,1m^2 đất CLN), thuộc thửa số 333a; diện tích 4.092,3m^2 (CLN), thuộc thửa số 176a và diện tích 678,2m^2 (CLN), thuộc thửa số 102a, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, cùng căn nhà và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Ông Nguyễn Viết T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Chia cho ông Nguyễn Viết T được nhận phần đất có diện tích 2.085,9m^2 (CLN), thuộc thửa số 334a, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Buộc ông Nguyễn Viết T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị Mộng L1 giá trị kỷ phần thừa kế được nhận của cụ M với số tiền mỗi người là 1.269.510.500đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm mười nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Viết T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 334a, diện tích 2.085,9m^2 (CLN) sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị Mộng L1 số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Tất cả có hồ sơ đo đạc thửa đất kèm theo)

- Ghi nhận việc ông Nguyễn Viết T tạo điều kiện thuận lợi cho bà Nguyễn

Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị Mộng L1 cùng con cháu được vào thửa đất số 333 để thăm viếng, nhang khói mộ ông bà, cha mẹ không được ngăn cản.

- Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị Mộng L1 không có tranh chấp, đồng ý để lại cho ông Nguyễn Viết Tuấn được nhận số tiền nhà nước bồi thường giải phóng mặt bằng mở lộ 883 đối với phần đất có diện tích 382m^2, thuộc thửa 140a, tọa lạc tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ghi nhận ông Nguyễn Viết T không có tranh chấp, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị Mộng L1 trả lại số tiền 15.500.000 đồng, vàng và đô la Canada tại giấy viết tay ngày 12/7/2020.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 18.633.000đ (Mười tám triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng). Bà L, bà O, bà L1, ông T mỗi người phải chịu số tiền là 4.658.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng). Do bà L đã tạm ứng nộp xong nên buộc bà O, bà L1 và ông T mỗi người phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền 4.658.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009094 ngày 23/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Mộng L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 50.085.315đ (Năm mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mười lăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 6.600.000 đồng theo các biên lai thu số 0000141 ngày 03/02/2023 và số 0002945 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà L1 còn phải nộp tiếp số tiền 43.485.315đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 50.085.315đ (Năm mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mười lăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 6.550.000 đồng theo các biên lai thu số 0000140 ngày 03/02/2023 và số 0002946 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà O còn

phải nộp tiếp số tiền 43.535.315đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Ông Nguyễn Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 116.886.573đ (Một trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005971 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền 97.386.573đ (Chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang